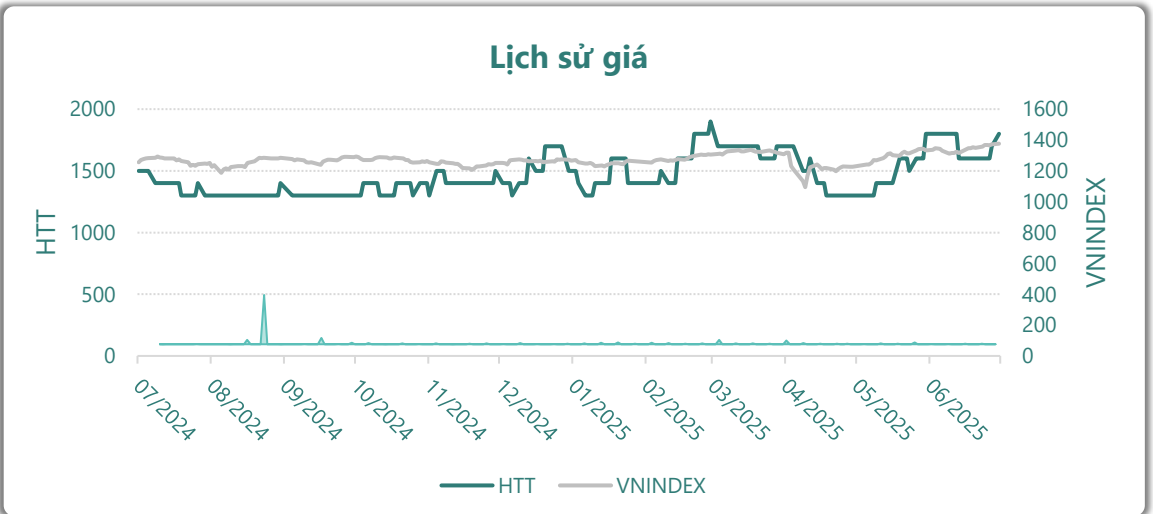
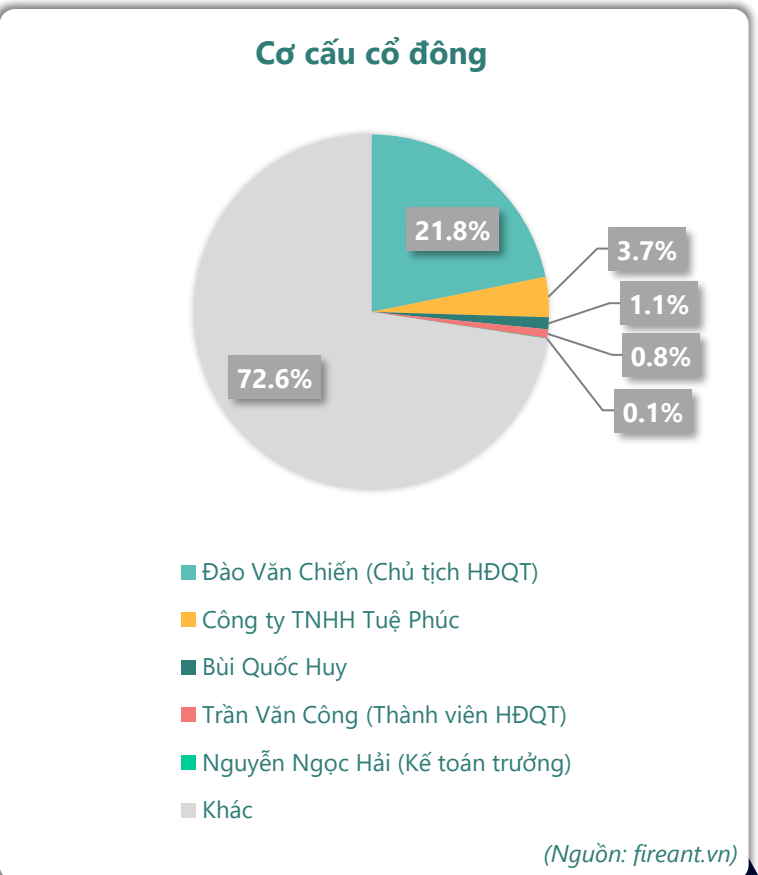
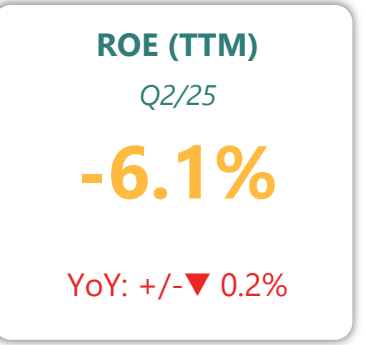
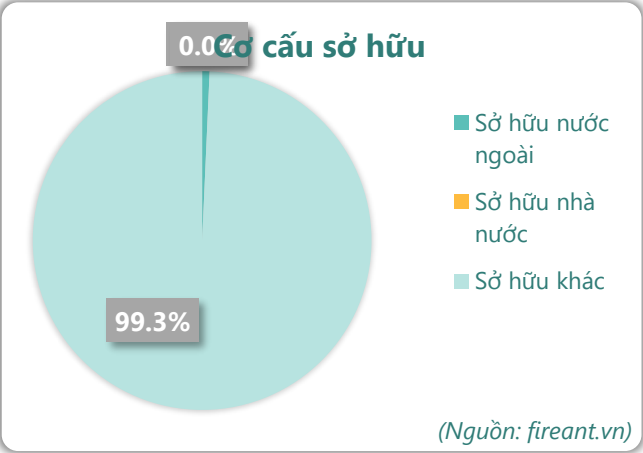


CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

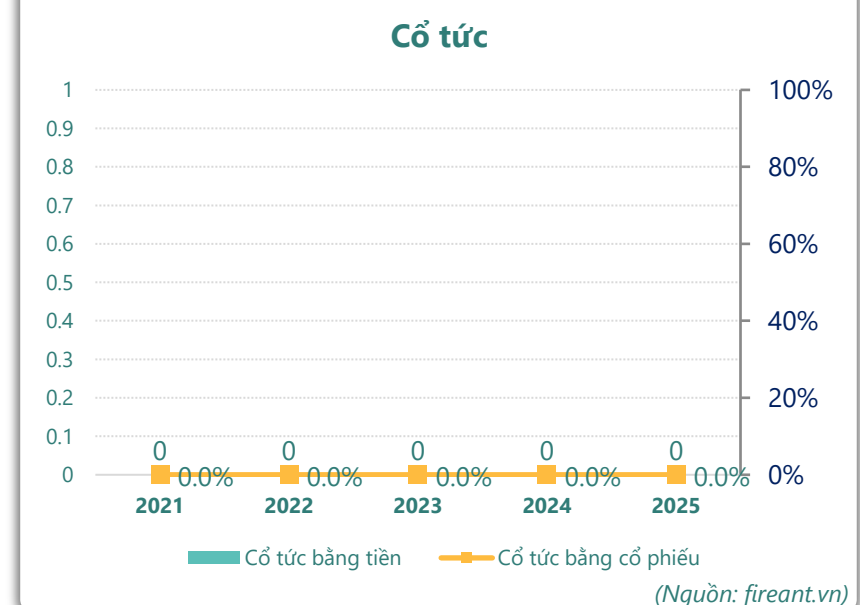
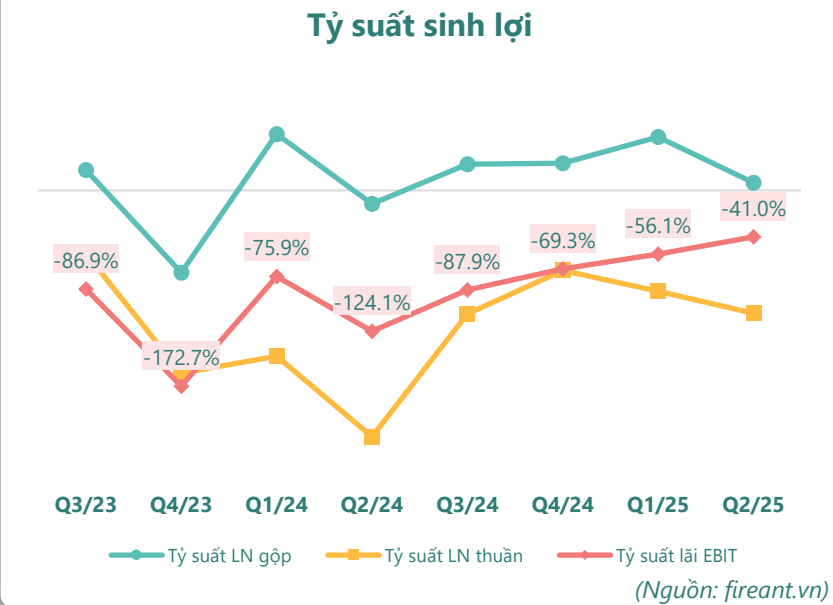
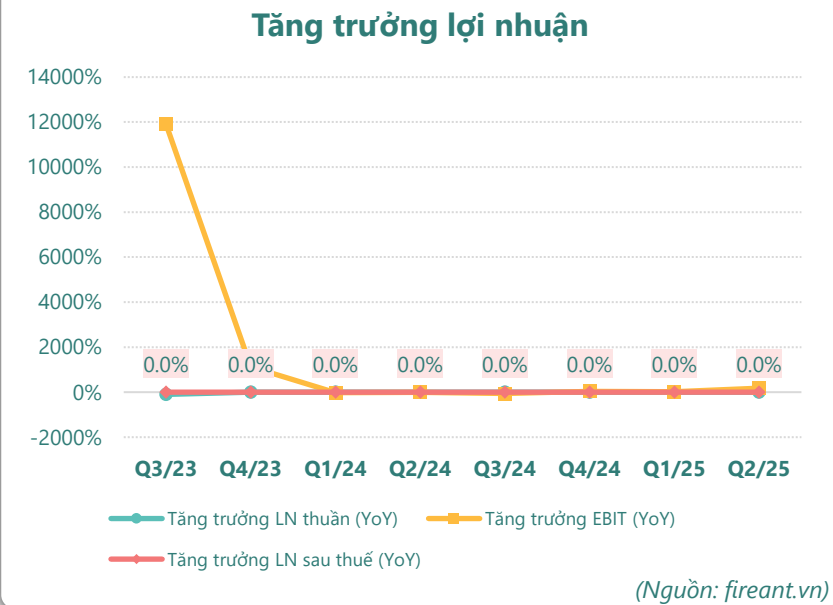
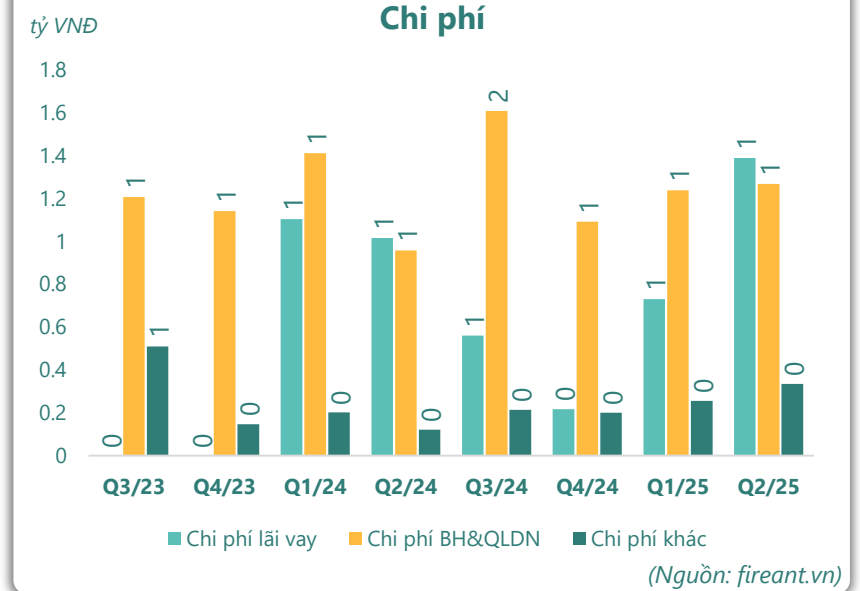
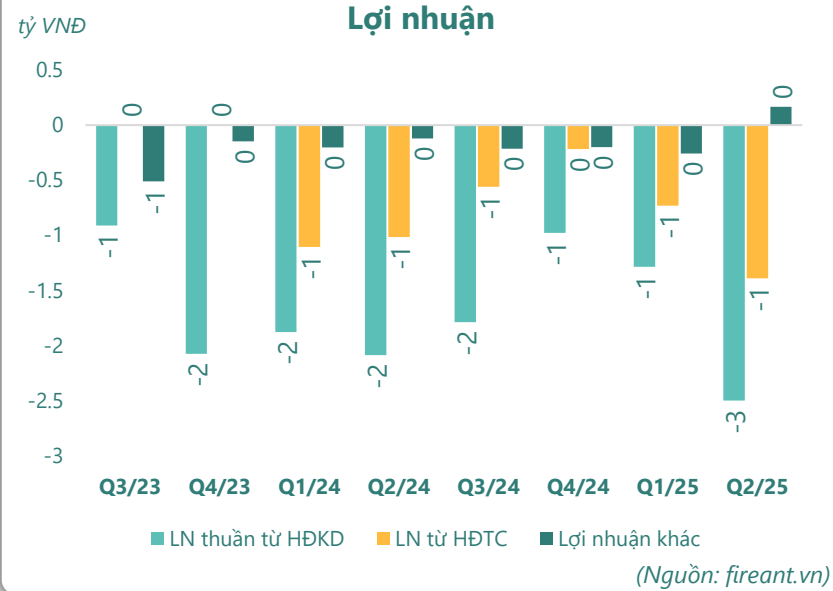
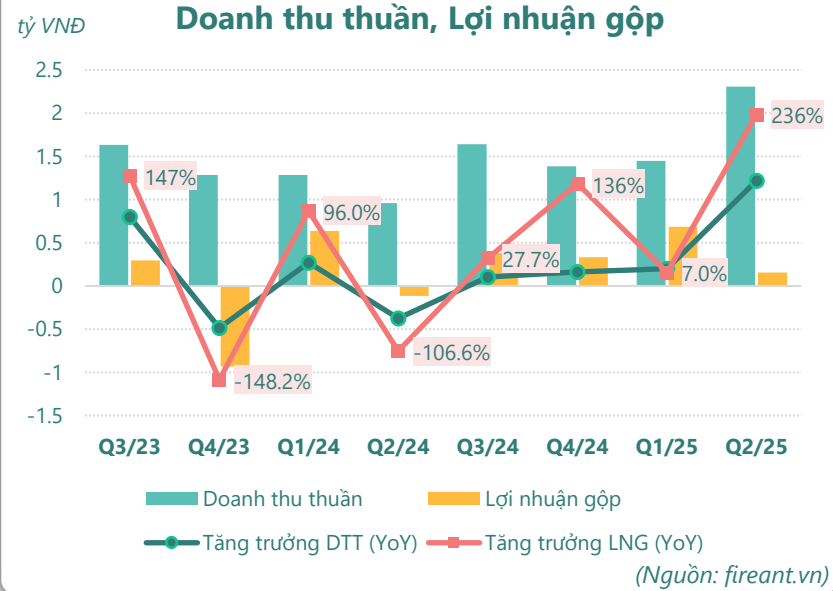
CTCP Thương mại Hà Tây

Ngày 30/06/2025	1,800 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0%	5.9%	5.9%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	1,300 - 1,900
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	36
Số lượng CPLH (CP)	20,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	725
Sở hữu nước ngoài	0.7%
Beta	0.57
EPS	-353
P/E	-5.1



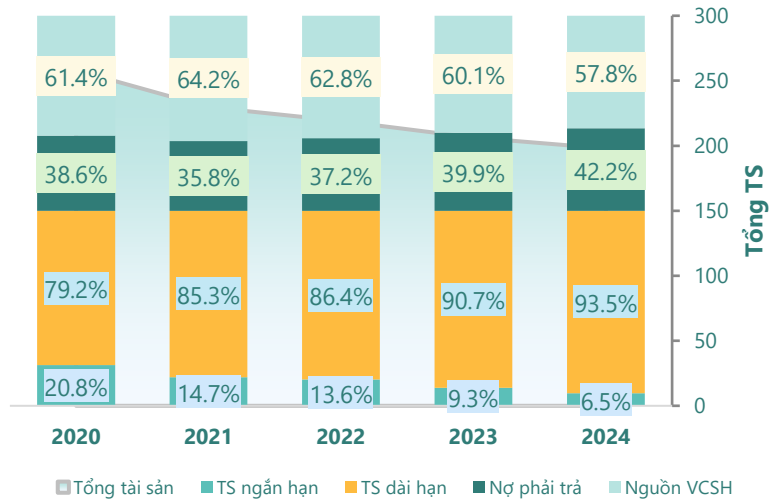
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

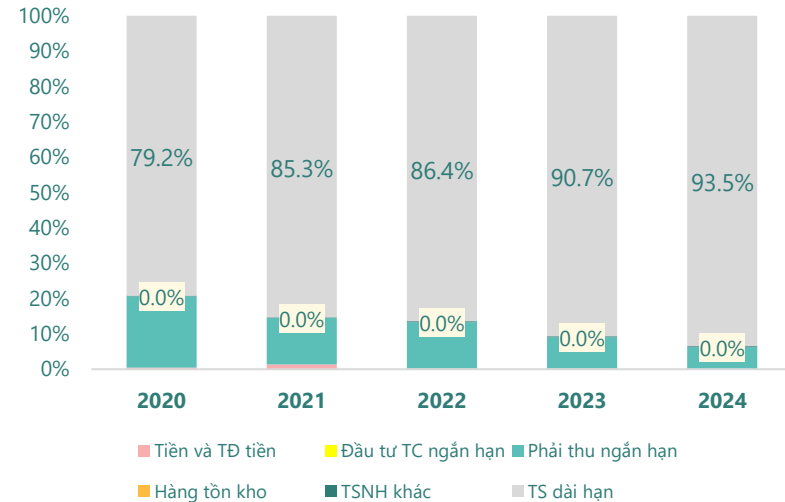
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

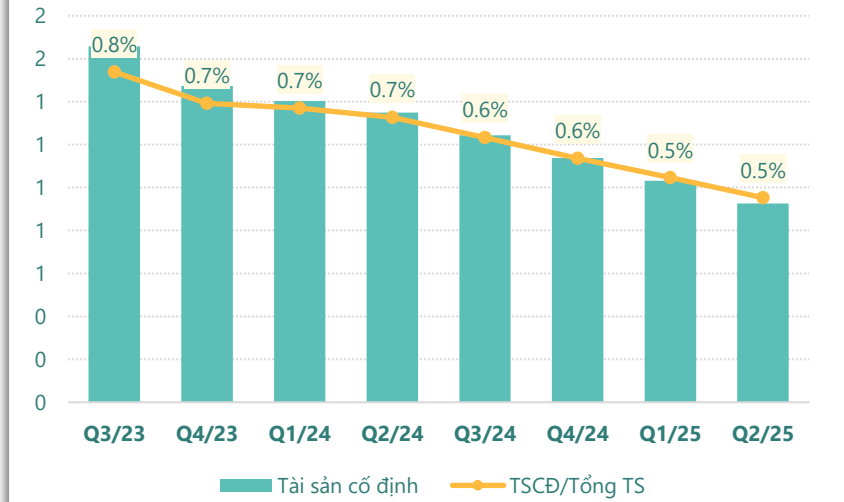
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

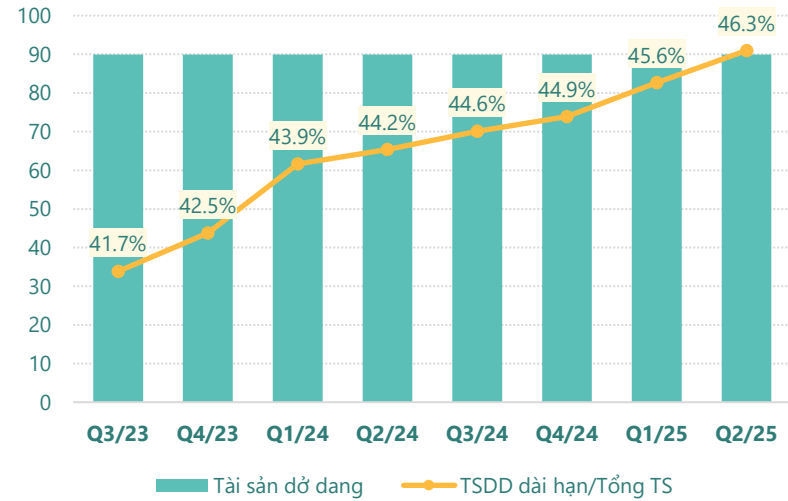
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

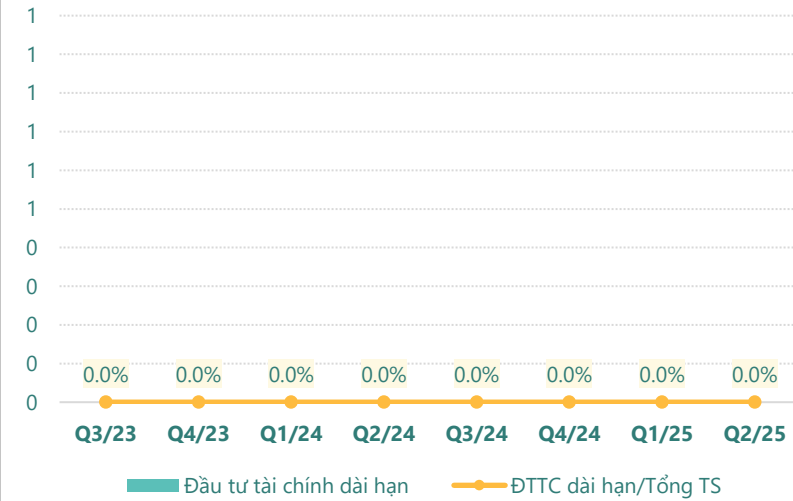
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

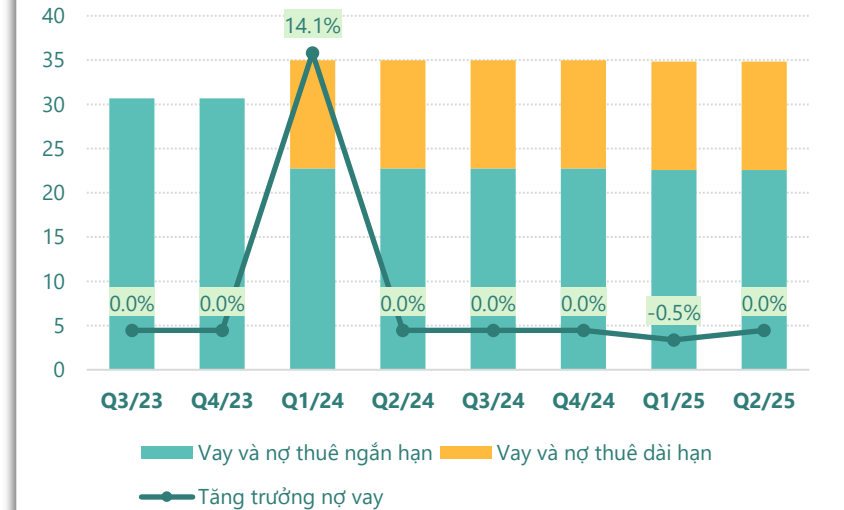
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

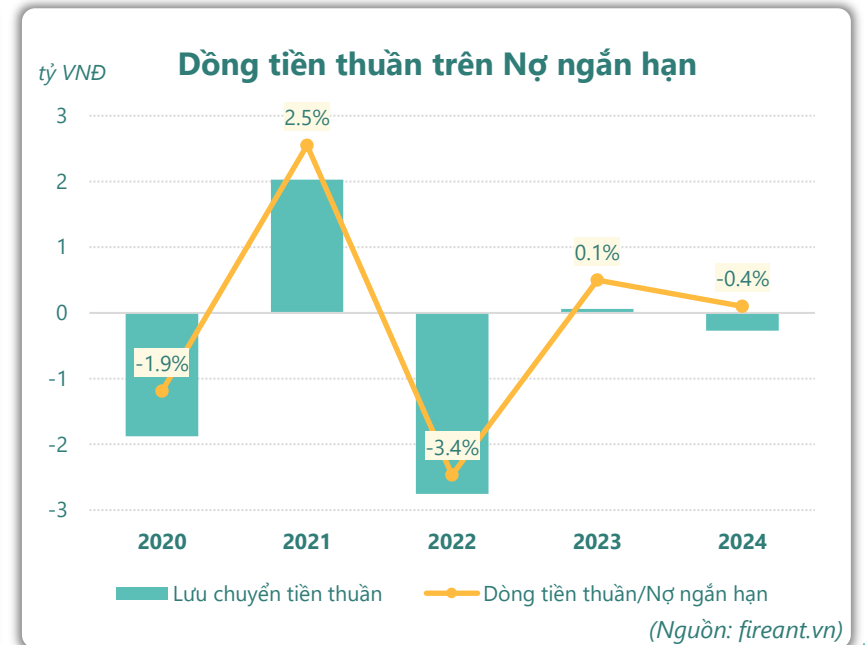
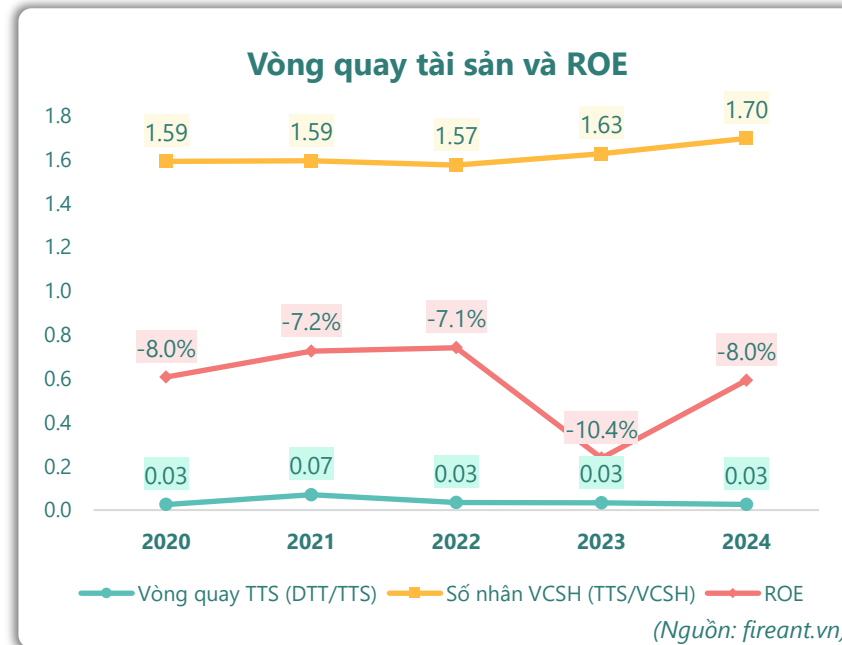
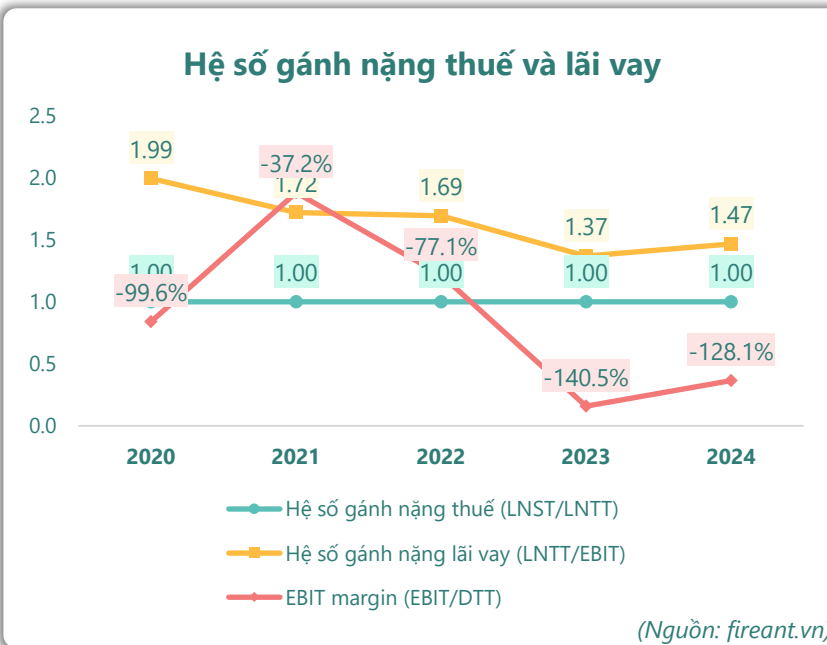
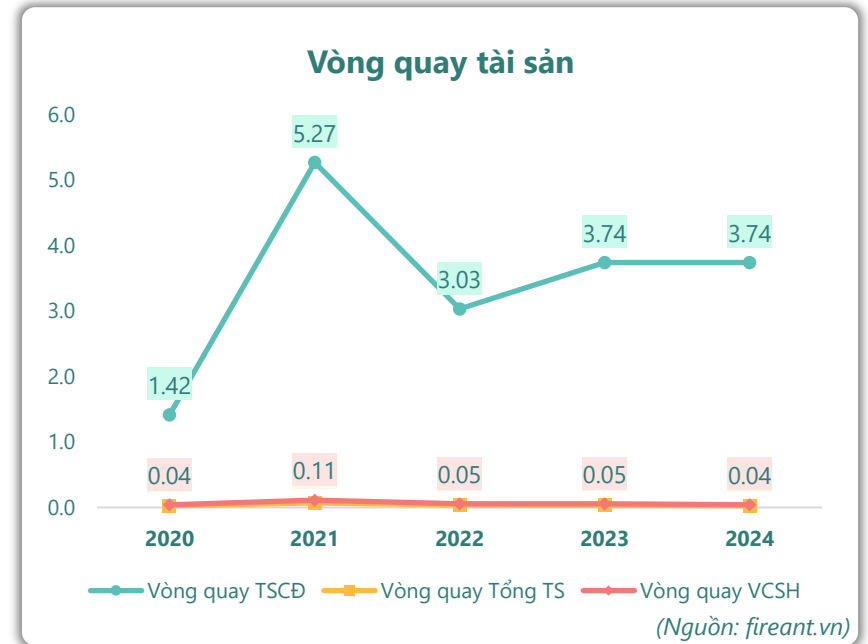
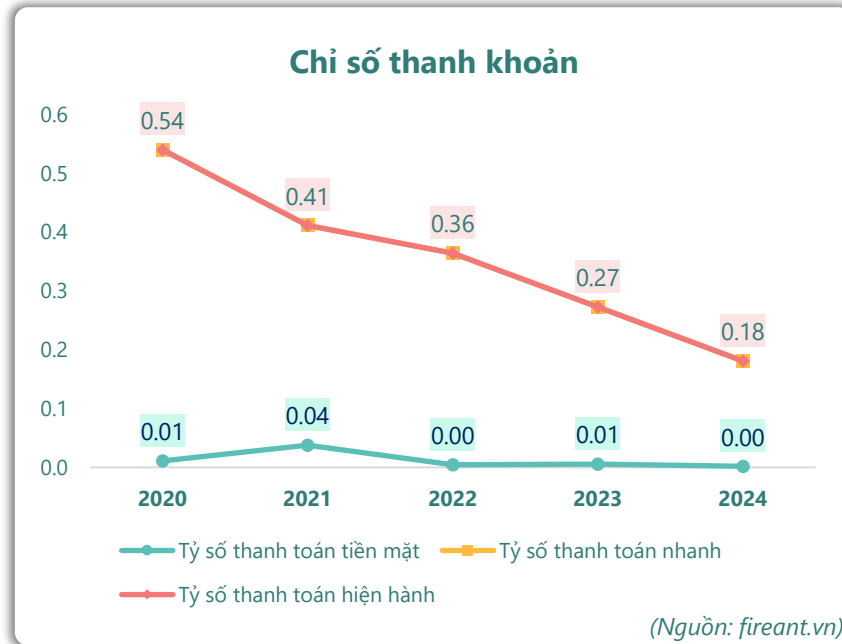
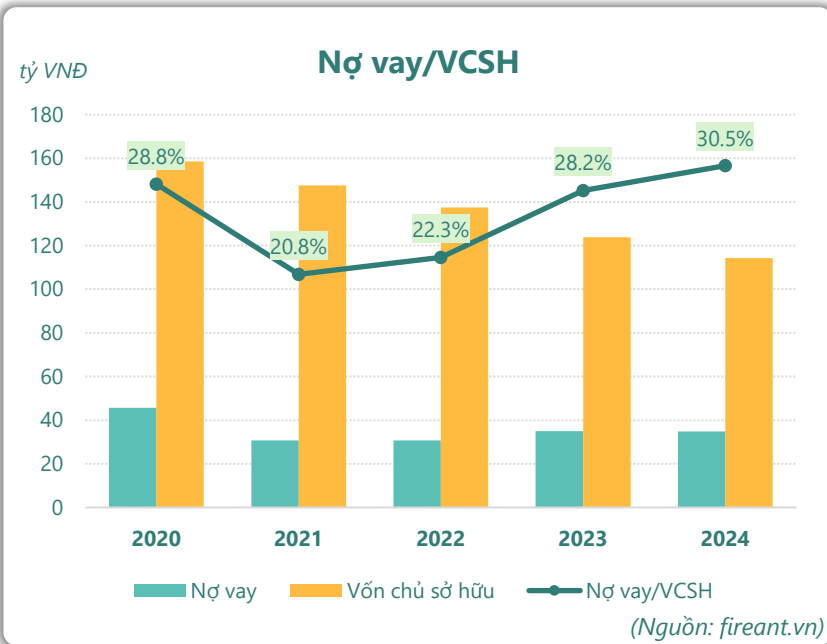
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	2.31	0.96	140%	3.76	2.25	67.2%
Giá vốn hàng bán	2.15	1.08	99.2%	2.92	1.72	69.3%
Lợi nhuận gộp	0.16	-0.11	242%	0.84	0.52	60.2%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00		0.00	0.00	-74.4%
Chi phí TC	1.39	1.02	36.2%	2.12	2.12	0.0%
Chi phí lãi vay	1.39	1.02	36.2%	2.12	2.12	0.0%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	1.27	0.96	32.1%	2.51	2.37	5.8%
LN thuần từ HĐKD	-2.50	-2.09	-19.7%	-3.79	-3.97	4.5%
Lợi nhuận khác	0.17	-0.12	238%	-0.09	-0.32	71.9%
LN trước thuế	-2.34	-2.21	-5.7%	-3.88	-4.29	9.6%
Lợi nhuận sau thuế	-2.34	-2.21	-5.7%	-3.88	-4.29	9.6%
LNST của CĐ cty mẹ	-2.34	-2.21	-5.7%	-3.88	-4.29	9.6%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0.26	-0.11	-0.22	-0.18	0.19	-0.06
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	0.40	0.67	0.55	0.33	0.13	0.31
Lưu chuyển tiền thuần	0.26	-0.11	-0.22	-0.18	0.19	-0.06
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.67	0.55	0.33	0.16	0.31	0.25

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	194	198	-1.8%
Tài sản ngắn hạn	10.4	12.9	-19.4%
Tiền và tương đương tiền	0.25	0.13	94.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	9.25	12.2	-24.3%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	0.91	0.56	61.8%
Tài sản dài hạn	184	185	-0.6%
Phải thu dài hạn	39.8	39.8	0.0%
Tài sản cố định	0.93	1.14	-18.6%
Bất động sản đầu tư	53.2	54.1	-1.5%
Tài sản dở dang	89.9	89.9	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0	0.00	-100%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	83.9	83.6	0.4%
Nợ ngắn hạn	71.7	71.4	0.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	22.6	22.6	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	1.63	1.40	16.6%
Nợ dài hạn	12.2	12.2	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	12.2	12.2	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	110	114	-3.4%
Vốn chủ sở hữu	110	114	-3.4%
Vốn điều lệ	200	200	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

